BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG V**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**
Số: 1157/QĐ-CĐGTVTTW V	*Đà Nẵng, ngày 26 tháng 8 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên khoá tuyển sinh năm 2017, 2018 trình độ Cao đẳng-Đào tạo theo phương thức tích luỹ MĐ hoặc tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG V

Căn cứ Quyết định số 579/QĐ-CĐGTVTTW V ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V;

Căn cứ Quy định thực hiện Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 79/QĐ-CĐGTVTTW V ngày 29 tháng 01 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V;

Căn cứ Biên bản họp ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V, xét điều kiện công nhận tốt nghiệp cho sinh viên khóa tuyển sinh năm 2017, 2018 trình độ Cao đẳng- Đào tạo theo phương thức tích luỹ mô đun hoặc tín chỉ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp cho **19** sinh viên khóa tuyển sinh năm 2017, 2018 trình độ Cao đẳng - Đào tạo theo phương thức tích luỹ mô đun hoặc tín chỉ. Trong đó:

1. Ngành, nghề Công nghệ kỹ thuật cơ khí-02 sinh viên

CĐ17CK1: 02 sinh viên (02 Khá)

2. Ngành, nghề Chế tạo thiết bị cơ khí-01 sinh viên

CĐ18CT1: 01 sinh viên (01 Khá)

3. Ngành, nghề Công nghệ ô tô - 16 sinh viên

CĐ17CÔ1:	01 sinh viên	CĐ17CÔ5:	01 sinh viên
CĐ17CÔ2:	01 sinh viên	CĐ17CÔ6:	01 sinh viên
CĐ17CÔ4:	01 sinh viên	CĐ17CÔ7:	01 sinh viên (01 Khá)
CĐ18CÔ1:	02 sinh viên (01 Khá)	CĐ17CÔ9:	01 sinh viên
CĐ18CÔ2:	01 sinh viên (01 Khá)	CĐ18CÔ9:	01 sinh viên (01 Khá)
CĐ18CÔ4:	01 sinh viên	CĐ18CÔ10:	01 sinh viên
CĐ18CÔ5:	01 sinh viên	CĐ18CÔ11:	01 sinh viên (01 Khá)
CĐ18CÔ6:	01 sinh viên		

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng Cao đẳng theo quy định của Bộ Lao động -Thương binh & Xã hội.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng công tác HSSV, Trưởng các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ LĐTB&XH (để báo cáo);
- Bộ GTVT (để báo cáo);
- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG V

ThS. Đoàn Việt Hùng

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 2017, 2018 ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP THÁNG 8/2022

(Kèm theo Quyết định số: 1157/QĐ-CĐGTVTTW V ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V)

I. NGÀNH, NGHỀ CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ -LỚP CĐ17CK1 (02 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ			TBC TL	XLTN	Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại, học lại			
1	176510201128	Phan Văn	Lợi	01/01/1998	Nam	Đăk Lăk	75	Khá	97	97	3	3.02	Khá	
2	176510201153	Hồ Quí	Tri	11/8/1999	Nam	Bình Định	73	Khá	97	97	4	2.71	Khá	

II. NGÀNH, NGHỀ CHẾ TẠO THIẾT BỊ CƠ KHÍ -LỚP CĐ18CT1 (01 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ			TBC TL	XLTN	Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số TC nợ/ chưa học			
1	186520104122	Trần Ngọc	Nam	15/01/1999	Nam	Quảng Bình	80	Tốt	78	78	3	2.66	Khá	

III. NGÀNH, NGHỀ CÔNG NGHỆ Ô TÔ (16 SINH VIÊN)

1. LỚP CĐ17CÔ1 (01 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ			TBC TL	XLTN	Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại, học lại			
1	176510216130	Cao Văn	Lộc	30/01/1998	Nam	Quảng Ngãi	72	Khá	102	102	10	2.22	Trung bình	

2. LỚP CĐ17CÔ2 (01 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ			TBC TL	XLTN	Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại, học lại			
1	176510216205	Kiều Hoàng Anh	Dũng	24/01/1999	Nam	Quảng Nam	73	Khá	102	102	11	2.39	Trung bình	

3. LỚP CĐ17CÔ4 (01 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ			TBC TL	XLTN	Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại, học lại			
1	176510216442	Lục Tiểu Giang	Nam	24/7/1998	Nam	Đăk Lăk	74	Khá	102	102	8	2.17	Trung bình	

4. LỚP CĐ17CÔ5 (01 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ			TBC TL	XLTN	Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại, học lại			
1	176510216514	Đỗ Thế	Hà	07/4/1999	Nam	Kon Tum	73	Khá	102	102	3	2.48	Trung bình	

5. LỚP CĐ17CÔ6 (01 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ			TBC TL	XLTN	Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại, học lại			
1	176510216631	Hán Duy Minh	Nhật	28/5/1999	Nam	Gia Lai	76	Khá	102	102	4	2.41	Trung bình	

6. LỚP CĐ17CÔ7 (01 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ			TBC TL	XLTN	Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại, học lại			
1	176510216752	Nguyễn Viết	Thông	04/01/1999	Nam	Đà Nẵng	74	Khá	102	102	4	2.51	Khá	

7. LỚP CĐ17CÔ9 (01 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ			TBC TL	XLTN	Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại, học lại			
1	176510216324	Y Tê Niê	Kdăm	17/4/1995	Nam	Đắk Lắk	72	Khá	102	102	8	2.23	Trung bình	

8. LỚP CĐ18CÔ1 (02 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại, học lại	TBC TL		
1	186510216103	Lương Gia	Bão	02/10/2000	Nam	Quảng Nam	78	Khá	79	79	4	2.61	Khá	
2	186510216116	Lê	Duy	05/12/2000	Nam	Quảng Nam	78	Khá	79	79	5	2.38	Trung bình	

9. LỚP CĐ18CÔ2 (01 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại, học lại	TBC TL		
1	186510216241	Nguyễn Trần Phú	Tiến	22/11/1999	Nam	Đắk Lắk	76	Khá	79	79	6	2.51	Khá	

10. LỚP CĐ18CÔ4 (01 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại, học lại	TBC TL		
1	186510216439	Nguyễn Minh	Phúc	17/12/2000	Nam	Gia Lai	75	Khá	79	79	1	2.32	Trung bình	

11. LỚP CĐ18CÔ5 (01 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại, học lại	TBC TL		
1	186510216548	Lê	Ý	30/8/2000	Nam	Quảng Ngãi	72	Khá	79	79	4	2.18	Trung bình	

12. LỚP CĐ18CÔ6 (01 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại, học lại	TBC TL		
1	186510216553	Trần Hữu	Hải	15/02/2000	Nam	Đắk Lắk	74	Khá	79	79	16	2.18	Trung bình	

13. LỚP CĐ18CÔ9 (01 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại, học lại	TBC TL		
1	186510216161	Lê Ngọc	Tiền	10/02/2000	Nam	Quảng Nam	78	Khá	79	79	1	2.63	Khá	

14. LỚP CĐ18CÔ10 (01 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại, học lại	TBC TL		
1	186510216765	RMAH	ZOSEP	06/7/2000	Nam	Gia Lai	77	Khá	79	79	3	2.38	Trung bình	

15. LỚP CĐ18CÔ11 (01 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại, học lại	TBC TL		
1	186510216258	Nguyễn Tấn	Vũ	07/11/2000	Nam	Quảng Nam	77	Khá	79	79	10	2.51	Khá	